ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8167 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Viễn thông và Internet; lĩnh vực Tần số vô tuyến điện; lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân; lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2238/TTr-SKHCN ngày 21/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết **08** thủ tục hành chính cấp tỉnh mới ban hành; **04** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; **14** thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh *(kèm theo 138 trang Phụ lục).*

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

1. Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ được phê duyệt tại quyết định này đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở.

2. Trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của ngành khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các danh mục, nội dung, quy trình nội bộ giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ công bố tại Quyết định này thay thế các TTHC tương ứng thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh công bố trước đây.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, PCT.UBND tỉnh "VHXH";
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (CCHC);
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở KHCN);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Tấn Hòa

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8167 /QĐ-UBND ngày 18 /5/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC (CSQLQG)	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện TTHC	Cách thức thực hiện			Quyết định công bố của Bộ ngành
							Trực tiếp	BCCI	Trực tuyến	
A	**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**									
1	Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù	1.014987	- Trường hợp không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: **38 ngày** - Trường hợp cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: **70 ngày** *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
2	Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới,	1.014986	Trong thời hạn **33 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-

	sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo		hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*		kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.				BKHCN ngày 09/4/2026
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.014988	Trong thời hạn **09 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.014989	Trong thời hạn **09 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026

5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.014990	Trong thời hạn **4,5 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.014991	Trong thời hạn **09 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
7	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.014992	Trong thời hạn **09 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026

8	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.014993	Trong thời hạn **4,5 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Không	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
B	**Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**									
1	Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ	1.013918	**27 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Phí: 10.000.000 đồng	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan được ủy quyền giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
2	Thủ tục cấp Giấy phép	1.013927	**13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phí: 5.000.000 -	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN

	chuyển giao công nghệ		*(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	10.000.000 đồng	Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan được ủy quyền giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ				ngày 09/4/2026
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2.002248	**4,5 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Phí: 5.000.000 - 10.000.000 đồng	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ	2.002249	**4,5 ngày** làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*	Phí: 3.000.000 - 5.000.000 đồng	Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc tại bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực	X	X	Toàn trình	Quyết định số 2080/QĐ-BKHCN ngày 09/4/2026

	(trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)				địa bàn tỉnh Tây Ninh	hiện: Sở Khoa học và Công nghệ				
C	**Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**									
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.013931								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
2.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	1.013933								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
3.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động	1.013936								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

	dịch vụ đánh giá công nghệ									pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
4.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013939								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
5.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013940								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
6.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	1.013943								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ

7.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2.001137								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
8.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	1.002690								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
9.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn	2.001643								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ

	thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.									
10.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2.001143								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
11.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	1.011816								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ

12.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	1.011815								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
13.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1.011814								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ
14.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân	1.011812								Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ

PHỤ LỤC 2

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8167 /QĐ-UBND ngày 18 /5/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh)

PHẦN I

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính ban hành mới cấp tỉnh

1. Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù (Mã TTHC: 1.014987)

Trình tự thực hiện	***Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế*** - Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; hoặc nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, lập dự toán kinh phí tổ chức các hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về kết quả tiếp nhận hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo dự toán kinh phí, tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ

	thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ được thành lập, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) ban hành thông báo kết quả thẩm định công nghệ. ***Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế*** **-** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, lập dự toán kinh phí tổ chức các hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về kết quả tiếp nhận hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo dự toán kinh phí, tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ được thành lập, cơ quan chuyên môn về khoa học và

	công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ. - Trường hợp cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc bố trí kiểm tra thực tế. - Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc bố trí kiểm tra thực tế trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp cần kéo dài thời gian, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời hạn. Trường hợp quá thời hạn mà tổ chức, cá nhân không có văn bản giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc không bố trí kiểm tra thực tế thì cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) dừng xem xét hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân. - Trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ, bổ sung, Hội đồng tổ chức họp. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) ban hành thông báo kết quả thẩm định công nghệ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thành phần, số lượng hồ sơ	- Đơn đề nghị thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù; - Thuyết minh công nghệ đề nghị thẩm định trong trường hợp đặc thù và các tài liệu minh chứng kèm theo. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	***Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 38 ngày*** - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 10 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả ***Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế - 70 ngày*** - 03 ngày làm việc để kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ; - 05 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ. - 10 ngày làm việc để thành lập Hội đồng; - 15 ngày làm việc để tổ chức họp Hội đồng; - 10 ngày làm việc để cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ;

	- 15 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân giải trình, làm rõ hoặc bố trí kiểm tra thực tế; - 07 ngày làm việc để Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ họp sau khi nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ của tổ chức, cá nhân. - 05 ngày làm việc để ban hành thông báo kết quả *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Thông báo kết quả thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 11/2026/TT- BKHCN; - Thuyết minh công nghệ đề nghị thẩm định trong trường hợp đặc thù theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; - Luật số 115/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 11/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, Nhà nước mua và phổ biến công nghệ.

Mẫu số 01

11/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

Kính gửi:……[1]

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

1. Đối tượng đề nghị[2]

1.1. Tổ chức

Tên tổ chức:…….

Địa chỉ trụ sở chính:……

Điện thoại: ..... Email:……..

Mã số thuế: ..... [3]

Tên người đại diện theo pháp luật:..... Chức vụ:……..

1.2. Cá nhân

Họ và tên:……

Số CCCD/Căn cước/Hộ chiếu: ……..[4]

Địa chỉ liên hệ:……

Điện thoại: ..... Email:……

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ:……

2. Thuộc lĩnh vực công nghệ[5]:…….

3. Lĩnh vực/ngành áp dụng[6]:……

4. Nguồn gốc công nghệ:

□ Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) nghiên cứu tạo ra

□ Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) đầu tư

III. HỒ SƠ GỬI KÈM

□ Thuyết minh công nghệ đề nghị thẩm định trong trường hợp đặc thù (Mẫu số 02 Thông tư số 11 /2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026).

□ Tài liệu khác (nếu có):……

IV. THÔNG TIN ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

1. Họ và tên:……

2. Chức vụ (đối với tổ chức):……...

3. Điện thoại: ..... Email:……...

Chúng tôi/tôi cam kết tất cả các nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của hồ sơ; tuân thủ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

Đề nghị Quý cơ quan xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[1] Điền tên Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp.

[2] Điền vào mục 1.1 trong trường hợp đối tượng đề nghị là tổ chức; mục 1.2 trong trường hợp đối tượng đề nghị là cá nhân.

[3] Trường hợp cần thiết để phục vụ quản lý, đối chiếu hồ sơ và cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu có liên quan, tổ chức bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, gồm thông tin về quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật.

[4] Trường hợp cần thiết để phục vụ quản lý, đối chiếu hồ sơ và cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu có liên quan, cá nhân bổ sung thông tin về ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi cấp, ngày cấp giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

[5] Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

[6] Khai báo theo Ngành cấp 3 của Danh mục ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

Mẫu số 02

11/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

1. Tên tổ chức/cá nhân:……

2. Mã số thuế:……...

3. Địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức)/địa chỉ thường trú (đối với cá nhân):

.....

4. Địa điểm thử nghiệm/vận hành/địa điểm đề nghị đánh giá thực tế (nếu có):

.....

5. Điện thoại: ..... Email: .....

6. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):……...

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG NGHỆ

1. Tên công nghệ:…….

2. Thuộc lĩnh vực công nghệ[7]:……..

3. Lĩnh vực/ngành áp dụng[8]:……

4. Nguồn gốc công nghệ:

□ Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) nghiên cứu tạo ra

□ Công nghệ do (tổ chức/cá nhân) đầu tư

III. THUYẾT MINH VỀ CÔNG NGHỆ

1. Phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật *(mô tả rõ ràng về nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành).*

2. Các yếu tố kỹ thuật để thực hiện phương án, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật *(bao gồm: công cụ, thiết bị, thông số, thiết kế, sơ đồ kỹ thuật, mô hình, thuật toán, công thức, phần mềm, thông tin, dữ liệu, vật liệu hoặc yếu tố kỹ thuật khác).*

3. Khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả cụ thể *(mô tả sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thử nghiệm trong điều kiện thực tế).*

4. Minh chứng/mô tả công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định tại Mục A Phụ lục III Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

5. Minh chứng/mô tả công nghệ đã được thử nghiệm, vận hành ngoài phạm vi phòng thí nghiệm trong điều kiện phù hợp với mục đích ứng dụng *(mô hình, dây chuyền thử, vận hành thử hoặc tương đương).*

6. Minh chứng/mô tả về thông số kỹ thuật vận hành thực tế và kết quả đầu ra đo được, thể hiện công nghệ vận hành theo quy trình dự kiến và đạt các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu.

7. Minh chứng/mô tả về sản phẩm, dịch vụ, kết quả thực tế đã tạo ra trong quá trình thử nghiệm, vận hành.

8. Minh chứng/mô tả về việc đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả thực tế của công nghệ.

9. Mô tả về quy trình công nghệ, hướng dẫn vận hành, bảo trì, xác định được điều kiện hạ tầng, thiết bị phụ trợ, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào, nhân lực cần thiết để triển khai trong sản xuất, kinh doanh.

10. Minh chứng/mô tả về khả năng vận hành ổn định và kiểm soát chất lượng theo các thông số kỹ thuật chủ yếu trong phạm vi, điều kiện ứng dụng công nghệ.

11. Phương án/biện pháp quản lý rủi ro và bảo đảm an toàn, môi trường phù hợp với phương án ứng dụng.

12. Minh chứng hoặc cam kết về quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp và quyền khai thác công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh.

IV. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, tổ chức thẩm định theo quy định.

..., ngày ... tháng ... năm...
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

[7] Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025

[8] Khai báo theo Ngành cấp 3 của Danh mục ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

2. Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Mã TTHC: 1.014986)

Trình tự thực hiện	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do; - Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới. Trường hợp cần thiết, Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trường thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới. - Trong thời hạn **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trường hợp hồ sơ không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn;

	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; b) Thuyết minh kết quả thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; c) Tài liệu minh chứng quyền sở hữu hợp pháp đối với công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tài liệu minh chứng đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, chất lượng, so sánh với tính năng tương ứng của công nghệ, sản phẩm nhập khẩu tương đương hoặc đang được sử dụng tại nước khác và các tài liệu khác có liên quan (nếu có); *Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.* - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung); - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới; - 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ

	tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Văn bản đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo 12/2026/TT-BKHCN; - Thuyết minh kết quả thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo 12/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; - Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 12/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ và báo cáo liên quan đến thủ tục về phát triển nguồn cung, nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ.

Mẫu số 07

12/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

Kính gửi: ……[9]

1. Thông tin tổ chức, cá nhân đề nghị[10]

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: ……

- Mã định danh tổ chức/cá nhân: ……

- Điện thoại: ……Email: ……

- Địa chỉ: ……..

- Người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền (đối với tổ chức)[11]: …….

2. Thông tin về công nghệ mới, sản phẩm mới

Công nghệ mới □

Sản phẩm mới □

- Tên công nghệ mới/sản phẩm mới: ……

- Nguồn gốc, xuất xứ: …….

- Lĩnh vực[12]: ……..

…….*(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị)* cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, quyền sở hữu hợp pháp đối với công nghệ, sản phẩm nêu trên.

3. Tài liệu gửi kèm

- Thuyết minh kết quả thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Mẫu số 08);

- Tài liệu minh chứng quyền sở hữu hợp pháp đối với công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Tài liệu minh chứng đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, chất lượng, so sánh với tính năng tương ứng của công nghệ, sản phẩm nhập khẩu tương đương hoặc đang được sử dụng tại nước khác;

- Tài liệu khác (nếu có).

....., ngày .... tháng..... năm....
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)[13]

---

[9] Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

[10] Nếu người đề nghị là cá nhân thì ghi họ tên; Trường hợp là tổ chức thì ghi tên tổ chức và ghi họ tên của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Nếu người đề nghị là cá nhân thì ghi mã định danh cá nhân, nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức tại thời điểm nộp văn bản đề nghị.

[11] Trường hợp cần thiết để phục vụ quản lý, đối chiếu hồ sơ và cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu có liên quan, tổ chức bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, gồm thông tin về quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền.

[12] Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025.

[13] Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức.

Mẫu số 08

12/2026/TT-BKHCN

THUYẾT MINH

Kết quả thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại việt nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG NGHỆ MỚI, SẢN PHẨM MỚI

Công nghệ mới □

Sản phẩm mới □

1. Tên công nghệ/sản phẩm: ……..

2. Thuộc lĩnh vực công nghệ[14]: .....

3. Lĩnh vực/ngành áp dụng[15]: .....

4. Nguồn gốc, xuất xứ *(từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nào?)*: ……

5. Địa điểm thử nghiệm/vận hành/địa điểm đề nghị đánh giá thực tế (nếu có):

.....

II. THUYẾT MINH VỀ CÔNG NGHỆ MỚI

2.1. Làm rõ tính mới, sáng tạo và trình độ công nghệ so với trình độ công nghệ cùng loại hiện có *(kèm theo minh chứng)*.

……..

2.2. Khả năng tạo ra sản phẩm mới có chất lượng, khả năng cạnh tranh cao hơn so với sản phẩm được tạo ra từ công nghệ cùng loại hiện có *(kèm theo minh chứng)*.

…….

III. THUYẾT MINH VỀ SẢN PHẨM MỚI

2.1. Làm rõ cấu trúc, tính năng, công dụng mới hoặc giá trị sử dụng vượt trội so với sản phẩm cùng chủng loại đang có trên thị trường Việt Nam *(kèm theo minh chứng)*.

……

2.2. Làm rõ hiệu suất hoặc độ chính xác so với sản phẩm cùng loại hiện có *(kèm theo minh chứng)*.

……

……, ngày....tháng....năm ……
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)

---

[14] Phân loại theo phân ngành khoa học và công nghệ (cấp 3) tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

[15] Khai báo theo Ngành cấp 3 của Danh mục ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014988)

Trình tự thực hiện	a) Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đến Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ nơi cấp đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ nơi đăng ký thành lập (đối với tổ chức); b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức nộp hồ sơ; c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; b) Bản sao Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; c) Danh sách các chuyên gia đánh giá công nghệ, trong đó gồm thông tin về: tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá; kèm theo tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá công nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao bằng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Nghị định này, tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia. Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ của tổ chức và Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định; d) Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần đánh giá. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ	Doanh nghiệp/Tổ chức

tục hành chính	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. 2. Có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá. 3. Có phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ do tổ chức ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 6.1

09/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)..., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá đối với ngành……[2], trong lĩnh

vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ ngày……tháng……năm…….. của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

.....(tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……, ngày ... tháng ... năm ……
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

Chức danh: …… CCCD/Hộ chiếu:

…….

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá công nghệ[1]	Số vụ việc đánh giá công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

……, ngày …… tháng …… năm ……

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014989)

Trình tự thực hiện	a) Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ đến Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ nơi cấp đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ nơi đăng ký thành lập (đối với tổ chức); b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức nộp hồ sơ; c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ; b) Danh sách sửa đổi, bổ sung các chuyên gia đánh giá công nghệ, trong đó gồm thông tin về: tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá công

	nghệ gồm: Thỏa thuận hợp tác giữa chuyên gia với tổ chức; bản sao bằng cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Nghị định này; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia. Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ bổ sung, sửa đổi của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá công nghệ của chuyên gia đánh giá công nghệ bổ sung, sửa đổi. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp/Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Trường hợp bổ sung lĩnh vực công nghệ đánh giá, phải có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 6.1

09/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)..., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá đối với ngành……[2], trong lĩnh vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ ngày……tháng……năm……..của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

.....(tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……, ngày … tháng … năm ……
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

Chức danh: …… CCCD/Hộ chiếu: …….

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá công nghệ[1]	Số vụ việc đánh giá công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

……, ngày …… tháng …… năm ……
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014990)

Trình tự thực hiện	a) Việc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ áp dụng đối với tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đánh giá công nghệ bị mất hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức; b) Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo quy định, Sở Khoa học và công nghệ tham mưu UBND tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp/Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo Mẫu số 6.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 6.1

09/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố)..., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia đánh giá công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá đối với ngành……[2], trong lĩnh vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ đánh giá/giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ ngày…….tháng……..năm…….của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện đánh giá công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

.....(tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định viên công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……, ngày … tháng … năm ……
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

Chức danh: …… CCCD/Hộ chiếu: …….

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã đánh giá	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực đánh giá công nghệ[1]	Số vụ việc đánh giá công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

……, ngày …… tháng …… năm ……

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014991)

Trình tự thực hiện	a) Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đến Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ nơi cấp đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ nơi đăng ký thành lập (đối với tổ chức). b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức đã nộp hồ sơ. c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; b) Bản sao Quyết định thành lập tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng để thay thế thành phần hồ sơ

	giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 59 của Nghị định này; d) Danh sách các giám định viên công nghệ; kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 59 của Nghị định này, tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên. Danh sách giám định viên công nghệ của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định; đ) Tài liệu thuyết minh phương pháp, quy trình giám định công nghệ tương ứng với từng lĩnh vực công nghệ cần giám định; e) Mẫu chứng thư giám định của tổ chức. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp/Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo Mẫu số 7.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành. 3. Có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện: a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định; b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành; c) Có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 7.1

09/2026/TT-BKHCN

…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …/…	*Tỉnh (thành phố), ngày…….tháng…….năm……..*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia giám định công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành……[2], trong lĩnh vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ ngày……tháng……năm……..của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

..... (Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……..,
ngày …… tháng …… năm ……
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

Chức danh:……CCCD/Hộ chiếu:……

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định công nghệ[1]	Số vụ việc giám định công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

.....,ngày …… tháng …… năm ……

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014992)

Trình tự thực hiện	a) Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đến Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ nơi cấp đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ nơi đăng ký thành lập (đối với tổ chức). b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức đã nộp hồ sơ. c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ; b) Danh sách các giám định viên công nghệ (sửa đổi, bổ sung), trong đó gồm thông tin về: tên, năm sinh, trình độ, lĩnh vực đào tạo, số năm công tác trong lĩnh vực công nghệ cần giám định, kèm theo các tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên công nghệ gồm: Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; bản

	sao bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 59 của Nghị định 101/2026/NĐ-CP; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên. Danh sách giám định viên công nghệ bổ sung, sửa đổi của tổ chức và tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định công nghệ của giám định viên công nghệ bổ sung, sửa đổi theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp/Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo Mẫu số 7.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Trường hợp bổ sung lĩnh vực công nghệ giám định, phải có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:

	a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định; b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành; c) Có kinh nghiệm làm việc từ 02 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 7.1

09/2026/TT-BKHCN

……[(1)]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày…….tháng…….năm……..*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia giám định công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành……[2], trong lĩnh vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ ngày……tháng……năm……..của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

..... (Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……..,
ngày …… tháng …… năm ……
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

Chức danh:……CCCD/Hộ chiếu:……

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định công nghệ[1]	Số vụ việc giám định công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

.....,ngày …… tháng …… năm ……

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014993)

Trình tự thực hiện	1. Việc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ áp dụng đối với tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ bị mất hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức; 2. Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp/Tổ chức
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Không quy định.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ Mẫu số 7.1 Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 7.1

09/2026/TT-BKHCN

…….[(1)] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày…….tháng…….năm…….*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ [1]

Kính gửi: …….

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:……. Fax:……. E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số…….. Cơ quan cấp: …….. cấp ngày……. tại .....

4. Hồ sơ kèm theo:

- Danh sách chuyên gia giám định công nghệ.

- Các tài liệu pháp lý và các tài liệu khác có liên quan.

Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ đối với ngành……[2], trong lĩnh vực ……..[3] Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực dịch vụ giám định công nghệ, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ thì ghi "Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định công nghệ").

[2] Ghi theo ngành (ví dụ: ngành y tế, xây dựng, công thương, giao thông vận tải...).

[3] Cách ghi như sau: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/An toàn sinh học,...). Trường hợp số liệu nhiều thì tổ chức lập thành Phụ lục kèm theo.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ ngày……tháng……năm……..của…..)

STT	Họ và tên/năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm giám định công nghệ (ghi số cuộc)	Thỏa thuận hợp tác hoặc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng đã ký	Ngành, lĩnh vực sẽ thực hiện giám định công nghệ tại tổ chức	Ghi chú
1							
2							
…							

..... (Tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của…… (chuyên gia đánh giá/giám định công nghệ) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

……..,
ngày …… tháng …… năm .....
LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ CỦA CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

1. Họ và tên: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:…… Fax:…… E-mail: .....

Chức danh:……CCCD/Hộ chiếu:……

2. Quá trình công tác:

TT	Thời gian	Nhiệm vụ chuyên môn	Đơn vị công tác

3. Kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh giá/giám định công nghệ:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định công nghệ[1]	Số vụ việc giám định công nghệ đã thực hiện
	Từ năm... đến năm...				
	Từ năm... đến năm...				

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

.....,ngày …… tháng …… năm ……

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh

1. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ (Mã TTHC: 1.013918)

Trình tự thực hiện	*1. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ nơi triển khai ứng dụng công nghệ chuyển giao để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.* *2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.* *3. Trong thời hạn 27 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ; b) Văn bản về tư cách pháp lý của bên đề nghị; c) Tài liệu giải trình về công nghệ; d) Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật; đ) Tài liệu giải trình về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết	27 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan được ủy quyền giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ.
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao theo Mẫu số 5.1; Văn bản giải trình về công nghệ hạn chế chuyển giao theo Mẫu số 5.2 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; *- Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;* *- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;* - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ;

	- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

Mẫu số 5.1

09/2026/TT-BKHCN

……(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	*Tỉnh /thành phố, ngày... tháng... năm.....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO

Kính gửi: ..... (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố)

Tên tổ chức, cá nhân: ……..……(1)

Địa chỉ: ……..... Số điện thoại: …… Email: …….……..(2)

Đề nghị …. xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ ……..(3) với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(4):

…….……..

- Địa chỉ:

…….…….

- Điện thoại (tel): …….. Email: ……..……..……..

- Người đại diện:…….. Chức danh:…… CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số …….. Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại…….…….

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[4]: …….……

- Địa chỉ: …….……

- Điện thoại (tel): …….. Email:

……..……..……..

- Người đại diện:…….. Chức danh:…… CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……..……

- Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số …….. Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại…….…….

II. Nội dung chuyển giao công nghệ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ: …….Lĩnh vực: ……[3]

- Thời hạn chuyển giao công nghệ: ……

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	□
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	□
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	□
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	□
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ...	□

+ Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) + Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, gia hạn)	□

3. Dự kiến sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:…….

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...)……

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo.

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ (5)	□
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên đề nghị	□
Căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định dành cho cá nhân của các bên tham gia chuyển giao công nghệ (6)	□
Tài liệu giải trình về công nghệ (7)	□
Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật (8)	□
Tài liệu về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (9)	□
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)	□

Thay mặt các bên tham gia chuyển giao công nghệ …….(1) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu (10)

Ghi chú:

(1) Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.

(2) Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

(3) Công nghệ đề nghị chấp thuận; lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

(4) Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số ……..... ngày cấp: …….. nơi cấp: ……

(5) Đối với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(6) Đối với Căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(7) Mẫu số 5.2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

(8) Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

(9) Giải trình rõ các nội dung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng, khí thải, nước thải, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường,...

(10) Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

Mẫu số 5.2

09/2026/TT-BKHCN

…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày…….tháng…….năm……..*

GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO

(Kèm theo Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)

1. Sự cần thiết phải chuyển giao công nghệ

a) Phân tích, đánh giá, so sánh với công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng trong nước, trên thế giới, khu vực đối với công nghệ đề nghị chấp thuận (nếu có).

b) Nhu cầu chuyển giao công nghệ.

2. Thuyết minh về công nghệ

a) Tên công nghệ;

b) Nguồn gốc xuất xứ công nghệ;

c) Sản phẩm do công nghệ tạo ra (sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia);

d) Thị trường tiêu thụ sản phẩm (xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);

đ) Công nghệ đã được kiểm chứng, ứng dụng vào thực tế (tại những quốc gia nào) hoặc chưa được áp dụng;

e) Nội dung công nghệ chuyển giao:

- Đối tượng công nghệ chuyển giao;

- Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ.

g) Sơ đồ, quy trình và thông số kỹ thuật chính của công nghệ;

h) Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đi kèm (dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ);

i) Các yêu cầu về nhân lực đối với Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ;

k) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao;

l) Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được

.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(2)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao

(2) Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai các trang của Tài liệu giải trình; trường hợp là cá nhân phải ký tắt vào từng trang của Tài liệu giải trình công nghệ).

2. Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ (Mã TTHC: 1.013927).

Trình tự thực hiện	*1. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ. (Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến Sở Khoa học và Công nghệ).* *2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.* *Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu, các bên bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì Sở Khoa học và Công nghệ ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu.* *3. Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; - Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, trong đó ghi rõ cam kết trách nhiệm của các bên bảo đảm nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

	b) Văn bản về tư cách pháp lý của các bên trong hợp đồng chuyển giao công nghệ; c) Bản gốc bằng tiếng Việt hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ; trường hợp không có hợp đồng bằng tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng hoặc chứng thực; d) Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ; đ) Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có); e) Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ do ứng dụng công nghệ chuyển giao; g) Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ; h) Văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp bên nhận chuyển giao công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức và cá nhân
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan được ủy quyền giải quyết: Sở Khoa học và Công nghệ.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép chuyển giao công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa

	không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Văn bản đề nghị cấp giấy phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao theo Mẫu số 5.6 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không quy định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; *- Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;* *- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;* - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.*

Mẫu số 5.6

09/2026/TT-BKHCN

……..[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày…….tháng……..năm…….*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO

Kính gửi: ..... (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Tên tổ chức, cá nhân: ……[1]

Địa chỉ: ……..Số điện thoại:…… Email: ……[2]

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép chuyển giao công nghệ ..... [3] với nội dung chuyển giao như sau:

I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:

…….……

- Địa chỉ: ……...

- Điện thoại (tel):……

Email: ……...

- Fax: ……Website: …….....

- Người đại diện:…….Chức danh:……..CCCD/Hộ chiếu:……..

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:…….

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số ……..Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại …….

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)[5]:

…….……

- Địa chỉ: ……...

- Điện thoại (tel):……

Email: ……...

- Fax: ……Website: …….....

- Người đại diện:…….Chức danh:……..CCCD/Hộ chiếu:……..

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:…….

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số ……..Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại …….

II. Nội dung chuyển giao công nghệ:

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ: ……..Lĩnh vực: …….[3]

- Thời gian thực hiện chuyển giao công nghệ: ……..

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	□
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	□
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	□
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	□
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ:	

- Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ... + Văn bằng bảo hộ hoặc số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) + Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	□ □

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập			□
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư		□
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	□
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	□
	Nhượng quyền thương mại		□
	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ		□
	Mua bán máy móc, thiết bị kèm theo đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	□
		Theo dự án đầu tư	□
Hình thức khác (nếu có)(5)			□

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	□
Đào tạo	□
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	□
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	□
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(6)	□

5. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		□
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	□
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	□
	Độc quyền sử dụng công nghệ	□
	Không độc quyền sử dụng công nghệ	□

6. Giá chuyển giao công nghệ

TT Nội dung Giá

1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ(7)	
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ	
3	Đào tạo	
3.1	Đào tạo nước ngoài	
3.2	Đào tạo trong nước	
4	Hỗ trợ kỹ thuật	
5	Máy móc, thiết bị	
Tổng:		

7. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa		□
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần ……..)		□
Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh		□
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần		□
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	□
	Sau thuế của bên nhận	□
Phương thức thanh toán khác(8)		□

8. Sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm:

- Tên, ký hiệu sản phẩm……..

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...)……

- Sản lượng[9]……...……

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được)[10]……...…….

IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo:

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt[11]	□
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng ……. (nước ngoài)[11]	□
Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ[12]	□
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức); Căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định dành cho cá nhân của các bên tham gia chuyển giao công nghệ[13]	□
Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước[14]	□
Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ) các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có)	□
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có)	□
Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	□
Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ[15]	□
Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ)	□

Thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ ……..[1] cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu

trên đây và tài liệu kèm theo; cam kết các nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu được cấp phép, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(16)

Ghi chú:

(1) Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

(2) Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

(3) Công nghệ đề nghị cấp phép; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

(4) Trường hợp là cá nhân, phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số …….. ngày cấp: …… nơi cấp: ……

(5) Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

(6) Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

(7) Ghi cụ thể giá của từng nội dung chuyển giao công nghệ.

(8) Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức thanh toán theo quy định nào của pháp luật.

(9) Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) dự kiến do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra. (10) Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm.

(11) Nộp một trong hai trường hợp, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

(12) Đối với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(13) Đối với Căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn của cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(14) Trường hợp công nghệ được tạo ra bằng vốn nhà nước hoặc sử dụng vốn nhà nước để mua công nghệ.

(15) Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

(16) Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 2.002248).

Trình tự thực hiện	*- Tổ chức, cá nhân (Bên nhận công nghệ) trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.* *- Cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ:* *+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ bổ sung hồ sơ. Bên đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền kết thúc việc xử lý hồ sơ khi quá thời hạn mà bên đăng ký chuyển giao công nghệ chưa nộp hồ sơ bổ sung;* *+ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định 101/2026/NĐ-CP cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;* *+ Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;* *+ Trường hợp từ chối, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

	- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ; b) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản giao kết chuyển giao công nghệ thể hiện nội dung theo quy định tại Điều 23 của Luật số 07/2017/QH14; trường hợp không có văn bản giao kết bằng tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng hoặc chứng thực. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Đơn đăng ký chuyển giao công nghệ theo Mẫu số 4.1 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký chuyển giao công

thủ tục hành chính (nếu có)	nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; *- Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;* *- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;* - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.*

Mẫu số 4.1

09/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

(Áp dụng cho đăng ký lần đầu)

Kính gửi:Bộ Khoa học và Công nghệ (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố……)

I. CÁC BÊN THAM GIA CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Bên giao công nghệ:……

- Địa chỉ: ……..……..…….

- Điện thoại (tel): ……Email: ……..……...

- Fax:…….……..Website:..…….....

- Người đại diện: …….. Chức danh:…….. CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số …….. Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại …

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):……

- Địa chỉ: ……..……..……

- Điện thoại (tel): …… Email: ……..……...

- Fax:…….……..Website:..…….....

- Người đại diện: …….. Chức danh:…….. CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số …….. Cơ quan cấp: ……cấp ngày …… tại ……..…

II. NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:……..……

- Lĩnh vực công nghệ chuyển giao:……

- Thời hạn văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ:……

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

<table>
<tr><td colspan="2">Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ

kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Máy móc, thiết bị đi kèm các đối tượng nêu trên</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp

Số văn bằng bảo hộ:... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) hoặc số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp: ….(trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ)

- Số giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)</td><td>Sáng chế</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Giải pháp hữu ích</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Kiểu dáng công nghiệp</td><td>□</td></tr>
</table>

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập	□

Dự án đầu tư		□
Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	□
	Hình thức khác (nếu có)	□
Nhượng quyền thương mại		□
Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ		□
Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	□
	Theo dự án đầu tư	□
Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)		□

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ, quy trình quản lý chất lượng, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật liên quan	□
Đào tạo	□
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	□
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật.	□
Phương thức chuyển giao khác (ghi tên phương thức khác nếu có)	□

5. Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		□
	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	□
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ	□
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	□
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	□

6. Giá trị chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Giá trị

1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ		
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp	Sáng chế	
		Giải pháp hữu ích	
		Kiểu dáng công nghiệp	
3	Đào tạo		
3.1	Đào tạo nước ngoài		
3.2	Đào tạo trong nước		
4	Hỗ trợ kỹ thuật		
5	Máy móc, thiết bị		
Tổng:			

7. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa		□
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần……)		□
Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh		□
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần		□
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	□
	Sau thuế của bên nhận	□
Phương thức thanh toán khác (nêu tên phương thức)		□

8. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm:……..…

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, tiêu chuẩn cơ sở, quốc tế,...):……

- Sản lượng:……..……

- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được):…….

9. Vai trò của công nghệ với ứng phó biến đổi khí hậu *(với công nghệ chuyển giao trong các chương trình, dự án có mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu)*

Công nghệ hỗ trợ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	□
Công nghệ hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu	□

III. CÁC VĂN BẢN KÈM THEO ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt	□
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng ……..(nước ngoài)	□
Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ (1)	□
Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng	□
Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	□
Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký chuyển giao công nghệ)	□
Thuyết minh cơ bản về công nghệ	□

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được nêu trên đây là đúng sự thực và nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật, nếu sai chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

TM. CÁC BÊN
BÊN NHẬN

(Trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc chuyển giao công nghệ trong nước)

hoặc

BÊN GIAO

(Trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài)

---

(1) Đối với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ, trường hợp cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

Lưu ý: Đối với ô trống □, nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu "√" vào trong ô trống.

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 2.002249).

Trình tự thực hiện	*- Tổ chức, cá nhân (Bên nhận công nghệ) trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên gửi hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.* *- Cơ quan chuyên môn về khoa học công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ:* *+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ bổ sung hồ sơ. Bên đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền kết thúc việc xử lý hồ sơ khi quá thời hạn mà bên đăng ký chuyển giao công nghệ chưa nộp hồ sơ bổ sung;* *+ Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định 101/2026/NĐ-CP cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;* *+ Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;* *+ Trường hợp từ chối, trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã bất kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

	- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
Thành phần, số lượng hồ sơ	- Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; b) Bản gốc bằng tiếng Việt hoặc bản sao có chứng thực văn bản gia hạn, sửa đổi, bổ sung; trường hợp không có văn bản bằng tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng hoặc chứng thực. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp phải đăng ký chuyển giao công nghệ
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	- Cơ quan có thẩm quyền: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi bổ sung chuyển giao công nghệ
Phí, lệ phí (nếu có)	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	*Đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo Mẫu số 4.3 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN.*
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản giao kết chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký chuyển giao công

thủ tục hành chính (nếu có)	nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; *- Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;* *- Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;* - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; *- Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.*

Mẫu số 4.3

...../2026/TT-BKHCN

……(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....	*Tỉnh (thành phố), ngày… tháng...năm…*

ĐƠN ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: ……..(2)

Tên tổ chức, cá nhân: ……(1)

Địa chỉ: …….. Số điện thoại: ……. Email: ……(3)

Đề nghị …….(2) xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:

I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5): ……

- Địa chỉ: ……..……..……

- Điện thoại (tel): …… Email: ……..……

- Fax:…….……Website:..…….....

- Người đại diện: ……Chức danh:…….. CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số …….. Cơ quan cấp: …… cấp ngày ……. tại …….

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)(5): ……

- Địa chỉ: ……...……

- Điện thoại (tel): ……..Email:. ..…….……

- Fax: ……..... Website: ……

- Người đại diện: …….. Chức danh:…….. CCCD/Hộ chiếu:……

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:……

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số ……Cơ quan cấp: …… cấp ngày …….. tại ……

II. Nội dung chuyển giao công nghệ(4)

1. Giấy chứng nhận đăng ký số …… ngày .... tháng ... năm do …….(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp.

2. Tên công nghệ: ……. Lĩnh vực: ……

3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

<table>
<tr><td colspan="2">Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp</td><td>Sáng chế</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Giải pháp hữu ích</td><td>□</td></tr>
<tr><td>- Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ….. (số, ngày cấp, gia hạn)
- Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:. (số, ngày cấp, ngày gia hạn)</td><td>Kiểu dáng công nghiệp</td><td>□</td></tr>
</table>

4. Hình thức chuyển giao công nghệ

<table>
<tr><td colspan="3">Chuyển giao công nghệ độc lập</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="7">Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp</td><td colspan="2">Dự án đầu tư</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Góp vốn bằng công nghệ</td><td>Vào dự án đầu tư</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Hình thức khác (nếu có)</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhượng quyền thương mại</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="2">Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao</td><td>Theo hợp đồng mua bán độc lập</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Theo dự án đầu tư</td><td>□</td></tr>
<tr><td colspan="3">Hình thức khác (ghi rõ hình thức khác nếu có)(6)</td><td>□</td></tr>
</table>

5. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ, quy trình quản lý chất lượng, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật liên quan	□
Đào tạo	□
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	□
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	□
Phương thức chuyển giao khác (nếu có)(7)	□

6. Quyền chuyển giao công nghệ

<table>
<tr><td colspan="2">Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ</td><td>Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ</td><td>□</td></tr>
<tr><td>Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ</td><td>□</td></tr>
</table>

7. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;

- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);

- Sản lượng[8];

- Tỷ lệ xuất khẩu[9].

8. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;

- Phương thức thanh toán;

- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

10. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ

11. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: (nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung)

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: (nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung)

3. Giá chuyển giao (nếu có)[10]

V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt(11)	□
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng ……. (nước ngoài)(11)	□
Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt(12)	□
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng…. (nước ngoài)	□
Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ(13)	□
Chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định dành cho cá nhân của các bên tham gia chuyển giao công nghệ(14)	□
Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	□
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ)	□
Thuyết minh về công nghệ chuyển giao	□

Thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ ……(1) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được ……..(15), các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(1)
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)(16)

Ghi chú:

(1) Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy

quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

(3) Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

(4) Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:

- Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.

- Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.

(5) Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số …ngày cấp: …..nơi cấp: ……

(6) Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

(7) Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

(8) Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

(9) Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).

(10) Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.

(11) Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

(12) Trong trường hợp trước ngày 01 tháng 4 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

(13) Đối với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép kinh doanh,... của các bên tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(4) Đối với Căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định dành cho cá nhân của các bên tham gia chuyển giao công nghệ, nếu cơ quan tiếp nhận không khai thác được thông tin hoặc doanh nghiệp chưa có, chưa cập nhật đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì vẫn phải cung cấp bản giấy để bảo đảm đủ căn cứ xem xét, giải quyết hồ sơ.

(15) Ghi "gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi "sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ" trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

(16) Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

** Chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính ban hành mới cấp tỉnh

1. Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù (Mã thủ tục hành chính: 1.014987)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
A	***Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế***		
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, lập dự toán kinh phí tổ chức các hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ và thông báo bằng văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ),	02 ngày làm việc

	cho tổ chức, cá nhân về kết quả tiếp nhận hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	
	Tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo dự toán kinh phí
	Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ hợp lệ
	Tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ.	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ được thành lập
	Dự thảo Thông báo kết quả thẩm định công nghệ	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
B	***Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế***		
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, lập dự toán kinh phí tổ chức các hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về kết quả tiếp nhận hồ sơ.	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

	Tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý hoặc không đồng ý đối với dự toán kinh phí. Trường hợp không thống nhất được dự toán kinh phí thì cơ quan có thẩm quyền dừng xử lý và trả hồ sơ	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo dự toán kinh phí
	Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ hồ sơ hợp lệ
	Tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ được thành lập
	Trường hợp cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế, căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ, gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân yêu cầu giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc bố trí kiểm tra thực tế	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	10 ngày làm việc
	Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc bố trí kiểm tra thực tế. Trường hợp cần kéo dài thời gian, tổ chức, cá nhân có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời hạn. Trường hợp quá thời hạn mà tổ chức, cá nhân không có văn bản giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc không bố trí kiểm tra thực tế thì cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) dừng xem xét hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu

	Hội đồng tổ chức họp	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ nhận được hồ sơ giải trình, làm rõ, bổ sung
	Dự thảo Thông báo kết quả thẩm định công nghệ	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả họp Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: ***Trường hợp 1: Không cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.*** ***Trường hợp 2: Cần giải trình, làm rõ, bổ sung hoặc kiểm tra thực tế: 70 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.*** *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

2. Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Mã TTHC: 1.014986)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ đề nghị đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	02 ngày làm việc

	Thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
	Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới. Trường hợp cần thiết, Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trường thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới	Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ), Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập
	Dự thảo thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trường hợp hồ sơ không được phê duyệt phải dự thảo văn bản thông báo, nêu rõ lý do	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: 33 ngày làm việc			

***- 03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ (trường hợp sửa đổi, bổ sung);*

***- 10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới;*

***- 15 ngày** làm việc kể từ ngày Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới được thành lập, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới*

***- 05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được biên bản họp của Hội đồng đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo kết quả công nhận công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.*

(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014988)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, dự thảo thông báo bằng văn bản đến tổ chức nộp hồ sơ	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho tổ chức kèm văn bản trình UBND tỉnh; trường hợp từ chối cấp phải dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo	04 giờ làm việc

	- Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

4. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014989)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, dự thảo thông báo bằng văn bản đến tổ chức nộp hồ sơ	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ cho tổ chức kèm Tờ trình UBND tỉnh; trường hợp từ chối cấp phải dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo	04 giờ làm việc

	- Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ (Mã TTHC: 1.014990)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo quy định, dự thảo cấp lại Giấy chứng nhận kèm Tờ trình UBND tỉnh; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì dự thảo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ),	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt - Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo	04 giờ làm việc

		Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014991)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, dự thảo thông báo bằng văn bản đến tổ chức đã nộp hồ sơ.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho tổ chức kèm Tờ trình UBND tỉnh; trường hợp từ chối cấp phải dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt - Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014992)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định, dự thảo thông báo bằng văn bản đến tổ chức đã nộp hồ sơ.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 ngày làm việc
	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ cho tổ chức kèm Tờ trình UBND tỉnh; trường hợp từ chối cấp phải dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo	04 giờ làm việc

	- Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ (Mã TTHC: 1.014993)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định, dự thảo cấp lại Giấy chứng nhận kèm Tờ trình UBND tỉnh; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì dự thảo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở; Lãnh đạo	04 giờ làm việc

	- Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh	Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	UBND tỉnh	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh

1. Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ (Mã TTHC: 1.013918)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì dự thảo văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
	Trường hợp nhận được hồ sơ đầy đủ, dự thảo văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	23 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo	04 giờ làm việc

		Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: ***27 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ*** *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

2. Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ (Mã TTHC: 1.013927).

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì dự thảo văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	01 ngày làm việc
	Các bên bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện.	Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ	60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu, các bên bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn

			thời gian thực hiện
	Nếu các bên không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì dự thảo thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hết thời gian gia hạn 60 ngày
	Trường hợp nhận được hồ sơ hợp lệ, thẩm định và dự thảo Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải dự thảo văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 2.002248)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, dự thảo văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ bổ sung hồ sơ. Bên đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền kết thúc việc xử lý hồ sơ khi quá thời hạn mà bên đăng ký chuyển giao công nghệ chưa nộp hồ sơ bổ sung;	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc

	Trường hợp nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15, dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14
	Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, dự thảo văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định
	Trường hợp từ chối, phải dự thảo văn bản trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (Mã TTHC: 2.002249)

Trình tự các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không tiếp nhận, đồng thời hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. + Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: tiếp nhận, ra giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chuyên viên Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
	Kiểm tra và chuyển hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết	Lãnh đạo Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ	02 giờ làm việc
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm PVHCC và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 3	Thẩm định hồ sơ		
	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, dự thảo văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ bổ sung hồ sơ. Bên đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ. Cơ quan có thẩm quyền kết thúc việc xử lý hồ sơ khi quá thời hạn mà bên đăng ký chuyển giao công nghệ chưa nộp hồ sơ bổ sung;	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc

	Trường hợp nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15, dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15
	Trường hợp hồ sơ có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, dự thảo văn bản đề nghị bên đăng ký chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung;	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định
	Trường hợp từ chối, phải dự thảo văn bản trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định
Bước 4	- Xem xét dự thảo Kết quả - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	04 giờ làm việc
Bước 5	Phê duyệt Kết quả	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	01 ngày làm việc
Bước 6	Cấp số, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC (đồng thời chuyển hồ sơ giấy) cho Trung tâm PVHCC.	Văn thư và chuyên viên Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Sở Khoa học và Công nghệ)	02 giờ làm việc
Bước 7	- Tiếp nhận Kết quả. - Thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC tại Trung tâm PVHCC tỉnh hoặc Trung tâm PVHCC cấp xã nơi cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ hoặc theo nhu cầu đăng ký nhận kết quả TTHC của cá nhân/tổ chức.	Viên chức làm việc tại Trung tâm PVHCC	02 giờ làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC: *4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ* *(Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết theo chỉ đạo)*			